



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 84 /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 30 tháng 09 năm 2026

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia
dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông**

*Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 123/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ
Giáo dục và Đào tạo;*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông;

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế
Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học
cơ sở và trung học phổ thông.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 09 năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 06/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông và Thông tư số 24/2025/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nêu trên.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Dự án dự thi đã được cơ sở giáo dục phê duyệt kế hoạch nghiên cứu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt; yêu cầu về nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc, khai báo sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo theo quy định tại Điều 14, Điều 15 của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư này chỉ áp dụng đối với phần nội dung nghiên cứu thực hiện kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Cuộc thi ở cấp cơ sở giáo dục, cấp đơn vị dự thi đã tổ chức hoặc đang tổ chức theo kế hoạch được phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 06/2024/TT-BGDĐT và Thông tư số 24/2025/TT-BGDĐT cho đến khi kết thúc; việc lựa chọn, cử dự án dự thi cấp quốc gia thực hiện theo quy định của Thông tư này; hồ sơ dự thi của các dự án

này không bắt buộc có thành phần quy định tại điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 18 của Quy chế ban hành kèm theo Thông tư này đối với phần nội dung nghiên cứu thực hiện trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các trường phổ thông trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, Giám đốc các đại học, Hiệu trưởng các trường đại học, Viện trưởng các viện, Giám đốc các học viện có trường phổ thông, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. 

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Hội đồng Quốc gia giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành PL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng Bộ GDĐT;
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Thông tin và Truyền thông Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**




Phạm Ngọc Thương

QUY CHẾ

Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông

(Ban hành kèm theo Thông tư số 84/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 9 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dành cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là Cuộc thi), bao gồm: nguyên tắc tổ chức Cuộc thi; ban chỉ đạo, hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi, ban giám khảo; công khai, minh bạch và liêm chính khoa học; tổ chức lựa chọn, thẩm định, chấm thi, xếp giải và lựa chọn, bồi dưỡng dự án tham dự cuộc thi quốc tế; ứng dụng công nghệ số trong nghiên cứu, quản lý và tổ chức Cuộc thi; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; kiểm tra, khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh học chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông và học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, cấp trung học phổ thông (sau đây gọi chung là học sinh); cơ sở giáo dục có học sinh học các chương trình nêu trên (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục); đơn vị dự thi, đơn vị đăng cai tổ chức Cuộc thi và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu của Cuộc thi

1. Mục đích

a) Khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn;

b) Góp phần đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy giáo dục STEM, STEAM và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục; nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục;

c) Tạo cơ hội để học sinh giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; tăng cường trao đổi, giao lưu văn hóa, giáo dục giữa các địa phương và hội nhập quốc tế;

d) Khuyến khích ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, có trách nhiệm, đúng quy định trong hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh;

đ) Khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và ý thức ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn của học sinh.

2. Yêu cầu

a) Nội dung nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh bảo đảm tính mới, tính thiết thực, tính khả thi, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông;

b) Việc tổ chức cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật bảo đảm cơ hội tham gia bình đẳng của học sinh, bảo đảm an toàn, nghiêm túc, công khai, minh bạch, phù hợp với năng lực, sở trường, hứng thú và tự nguyện tham gia của học sinh;

c) Việc tổ chức Cuộc thi bảo đảm thiết thực, hiệu quả, công bằng, khách quan, công khai, minh bạch, trung thực; đánh giá đúng năng lực học sinh, bảo đảm liên chính khoa học trong suốt quá trình tổ chức Cuộc thi;

d) Mọi hoạt động của Cuộc thi phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh; không tạo áp lực thành tích hoặc phát sinh các yêu cầu ngoài Quy chế.

Điều 3. Nội dung và hình thức thi

1. Nội dung thi

a) Nội dung thi là quá trình và kết quả thực hiện dự án nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh (sau đây gọi tắt là dự án dự thi) thuộc các lĩnh vực của Cuộc thi quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy chế này. Dự án dự thi có thể do 01 (một) học sinh thực hiện (sau đây gọi là dự án cá nhân) hoặc do 02 (hai) học sinh thuộc cùng một cơ sở giáo dục thực hiện (sau đây gọi là dự án tập thể); mỗi dự án chỉ được đăng ký dự thi ở 01 (một) lĩnh vực; dự án dự thi có nội dung liên ngành được xếp vào lĩnh vực dự thi chiếm tỷ trọng lớn nhất trong nội dung nghiên cứu cốt lõi của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế này; trường hợp không xác định được lĩnh vực chính, Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi xem xét, quyết định trước khi trình Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc thi phê duyệt danh sách dự án đủ điều kiện dự thi;

b) Báo cáo kết quả thực hiện dự án dự thi gồm các nội dung cơ bản sau: câu hỏi nghiên cứu (đối với dự án khoa học) hoặc vấn đề cần giải quyết (đối với dự án kỹ thuật); thiết kế và phương pháp nghiên cứu; quá trình thực hiện gồm thu thập, phân tích và giải thích dữ liệu (đối với dự án khoa học) hoặc chế tạo và kiểm tra nguyên mẫu, mô hình (đối với dự án kỹ thuật); kết quả, kết luận và khả năng ứng dụng của dự án. Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án dự thi (sau đây gọi là báo cáo tóm tắt) phản ánh các nội dung cơ bản nêu trên, có độ dài không quá 300 (ba trăm) chữ.

2. Hình thức thi

a) Dự án dự thi được trưng bày bằng thuyết minh về kết quả thực hiện dự án (sau đây gọi là poster) tại khu vực tổ chức Cuộc thi theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Cuộc thi; hồ sơ dự thi thực hiện theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

b) Tác giả hoặc nhóm tác giả trình bày tóm tắt kết quả thực hiện dự án và trả lời phỏng vấn của giám khảo tại khu vực trưng bày poster.

3. Ngôn ngữ chính thức trong hồ sơ, báo cáo và poster là tiếng Việt; khuyến khích học sinh sử dụng thêm tiếng Anh khi trình bày tóm tắt kết quả thực hiện dự án và trả lời phỏng vấn giám khảo.

Điều 4. Yêu cầu đối với dự án dự thi

1. Bảo đảm tính trung thực, khách quan và liêm chính khoa học; không gian lận, giả mạo, sao chép trái phép, chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép kết quả nghiên cứu của tổ chức, cá nhân khác.

2. Thời gian thực hiện dự án dự thi không quá 12 (mười hai) tháng liên tục, trong khoảng từ ngày 01 tháng 01 của năm liền trước năm tổ chức Cuộc thi đến ngày kết thúc nghiên cứu; ngày kết thúc nghiên cứu chậm nhất là 45 (bốn mươi lăm) ngày trước ngày khai mạc Cuộc thi. Dữ liệu, kết quả thu thập sau ngày kết thúc nghiên cứu không được đưa vào kết quả dự thi.

3. Kết quả nghiên cứu phải phản ánh đúng mức độ tham gia và đóng góp của từng thành viên; không được bổ sung hoặc thay thế thành viên dự án dự thi sau khi đã hoàn thành đăng ký dự thi theo quy định tại Điều 17 Quy chế này. Trường hợp thành viên dự án tập thể không thể tiếp tục tham gia vì ốm đau, tai nạn, chuyển trường hoặc lý do khách quan khác, đơn vị dự thi báo cáo Ban Chỉ đạo Cuộc thi xem xét, quyết định trên cơ sở hồ sơ, minh chứng cụ thể do đơn vị dự thi cung cấp; thành viên còn lại được tiếp tục dự thi với tư cách dự án cá nhân nếu chứng minh được phần đóng góp thực chất của mình thông qua nhật ký nghiên cứu quy định tại Điều 14 Quy chế này, không được bổ sung thành viên mới.

4. Dự án nghiên cứu được phân loại theo 03 (ba) mức độ an toàn để quản lý như sau:

a) Mức cấm tuyệt đối: dự án thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được thực hiện và không được dự thi: dự án nghiên cứu có nguy cơ mất an toàn sinh học, an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, an toàn thông tin ở mức độ nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe con người, động vật, môi trường và an ninh quốc gia; dự án nghiên cứu có liên quan đến con người hoặc động vật mà không bảo đảm yêu cầu về đạo đức nghiên cứu theo quy định của pháp luật; dự án nghiên cứu có sử dụng vi sinh vật gây bệnh thuộc nhóm nguy cơ cao, chất ma túy, tiền chất, vật liệu nổ, hóa chất thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật;

b) Mức phê duyệt rủi ro: dự án nghiên cứu thuộc lĩnh vực có yếu tố rủi ro về an toàn sinh học, hóa chất, bức xạ, nghiên cứu trên người, động vật ở mức độ có thể kiểm soát được thì chỉ được thực hiện sau khi cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá sơ bộ mức độ an toàn và phê duyệt kế hoạch nghiên cứu theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 17 Quy chế này; dự án có thu thập dữ liệu, mẫu vật từ con người phải có sự đồng ý bằng văn bản của người tham gia nghiên cứu hoặc cha, mẹ, người giám hộ của người tham gia là người chưa thành niên; dự án có sử dụng vi sinh vật, hóa chất nguy hiểm, nguồn phóng xạ chỉ được thực hiện tại phòng thí nghiệm, cơ sở nghiên cứu đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, dưới sự giám sát trực tiếp của người có chuyên môn phù hợp;

c) Mức an toàn để thực hiện: dự án nghiên cứu không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này được thực hiện theo quy trình đăng ký, phê duyệt thông thường quy định tại Điều 17 Quy chế này, không phải qua bước đánh giá rủi ro bổ sung.

5. Dự án dự thi phải được cơ sở giáo dục nơi học sinh đang học phê duyệt, đánh giá và được đơn vị dự thi quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế này tổ chức lựa chọn theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

6. Dự án dự thi phải bảo đảm yêu cầu về trưng bày theo văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm.

7. Dự án dự thi phải tuân thủ các quy định về công khai, minh bạch và liên chính khoa học quy định tại Chương III của Quy chế này; việc lập, quản lý, lưu trữ nhật ký nghiên cứu và dữ liệu gốc phải bảo đảm tính trung thực, đầy đủ và có khả năng kiểm chứng.

8. Việc sử dụng công cụ số, trí tuệ nhân tạo trong quá trình nghiên cứu thực hiện theo nguyên tắc phân loại mức độ, nghĩa vụ khai báo và các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 15 Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Đơn vị dự thi, số lượng dự án dự thi, học sinh và người hướng dẫn

1. Đơn vị dự thi

Mỗi Sở Giáo dục và Đào tạo; mỗi trường phổ thông trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là trường trực thuộc bộ); mỗi đại học, trường đại học, viện, học viện có trường phổ thông là một đơn vị dự thi.

2. Số lượng dự án dự thi

a) Số dự án dự thi tối đa của mỗi Sở Giáo dục và Đào tạo được xác định căn cứ tỷ lệ dự án dự thi (T) của Sở Giáo dục và Đào tạo đó, tính theo công thức: $T = (A/B) \times 100\%$. Trong đó: A là số dự án dự thi tại cuộc thi cấp đơn vị dự thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức trong năm học liền trước năm học tổ chức Cuộc thi; B là tổng số dự án dự thi tại cuộc thi cấp đơn vị dự thi của tất cả các Sở Giáo dục và Đào tạo trong cùng năm học đó.

Căn cứ tỷ lệ dự án dự thi (T), mỗi Sở Giáo dục và Đào tạo được đăng ký số dự án dự thi như sau: $T \leq 1\%$ được đăng ký tối đa 03 (ba) dự án; $1\% < T \leq 5\%$ được đăng ký tối đa 06 (sáu) dự án; $5\% < T \leq 10\%$ được đăng ký tối đa 09 (chín) dự án; $T > 10\%$ được đăng ký tối đa 12 (mười hai) dự án.

b) Đối với các đơn vị dự thi là trường trực thuộc bộ, đại học, trường đại học, viện, học viện, mỗi đơn vị được đăng ký tối đa 03 (ba) dự án dự thi;

c) Đơn vị đăng cai tổ chức Cuộc thi được đăng ký thêm tối đa 06 (sáu) dự án dự thi;

d) Đơn vị dự thi được cử thêm 01 (một) dự án dự thi trên mỗi dự án đoạt giải Tư trở lên tại cuộc thi quốc tế trong năm liền trước năm tổ chức Cuộc thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo chọn cử tham gia;

đ) Số lượng dự án dự thi quy định tại khoản này là tổng số dự án dự thi của đơn vị dự thi cho học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông; đơn vị dự thi tự quyết định phân bổ số lượng dự án dự thi giữa hai cấp học phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Học sinh dự thi và người hướng dẫn nghiên cứu

a) Học sinh dự thi phải có đủ các điều kiện sau: đối với cấp trung học cơ sở, học sinh dự thi phải đang học lớp 8 hoặc lớp 9; đối với cấp trung học phổ thông, học sinh dự thi đang học lớp 10, lớp 11 hoặc lớp 12; tự nguyện tham gia, có sự đồng ý của cha, mẹ hoặc người giám hộ (đối với học sinh chưa thành niên) và được chọn vào đội tuyển của đơn vị dự thi; có kết quả học tập, rèn luyện học kỳ I (nếu Cuộc thi được tổ chức trong học kỳ II) hoặc năm học liền kề trước năm học tổ chức Cuộc thi (nếu Cuộc thi được tổ chức trong học kỳ I) đạt từ mức Khá trở lên; mỗi học sinh chỉ được tham gia 01 (một) dự án dự thi trong 01 (một) lần tổ chức Cuộc thi;

b) Người hướng dẫn nghiên cứu: mỗi dự án dự thi có ít nhất 01 (một) người hướng dẫn nghiên cứu là giáo viên, nhân viên có chuyên môn phù hợp với dự án dự thi đang làm việc tại cơ sở giáo dục nơi học sinh đang học; mỗi người hướng dẫn nghiên cứu chỉ được hướng dẫn 01 (một) dự án dự thi trong 01 (một) lần tổ chức Cuộc thi; trường hợp cần thiết, dự án dự thi có thể có thêm 01 (một) chuyên gia hỗ trợ chuyên môn có trình độ thạc sĩ trở lên đang công tác tại cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ; chuyên gia hỗ trợ chuyên môn không phải là người hướng dẫn nghiên cứu, không bị giới hạn số dự án hỗ trợ nhưng phải được ghi rõ họ tên, nơi công tác, nội dung hỗ trợ trong kế hoạch nghiên cứu, hồ sơ dự thi và phải tuân thủ quy định tại Điều 16 Quy chế này.

4. Mở rộng sự tham gia của học sinh nước ngoài

Trên cơ sở đề xuất của Ban Chỉ đạo Cuộc thi, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định việc mời đoàn học sinh, dự án nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của học sinh các quốc gia, vùng lãnh thổ khác tham gia giao lưu, trưng bày tại Cuộc thi. Dự án của học sinh nước ngoài không thuộc cơ cấu giải của Cuộc thi, không tính vào số lượng dự án dự thi quy định tại khoản 2 Điều này; Ban Chỉ đạo Cuộc thi có thể xem xét cấp giấy chứng nhận tham gia giao lưu. Việc mời, đón đoàn học sinh nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động đối ngoại.

Điều 6. Thời gian, địa điểm và kinh phí tổ chức Cuộc thi

1. Cuộc thi được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần; thời gian tổ chức Cuộc thi cấp quốc gia được sắp xếp bảo đảm khoảng cách hợp lý trước thời điểm tổ chức các cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế để có đủ thời gian hoàn thiện dự án và bồi dưỡng đội tuyển tham dự theo quy định tại Chương VI Quy chế này.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức Cuộc thi hằng năm được thông báo tại văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Kinh phí tổ chức Cuộc thi từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, bao gồm kinh phí tổ chức Cuộc thi tại đơn vị đăng cai do đơn vị đăng cai chi trả và kinh phí tổ chức thẩm định dự án dự thi, chấm thi do Bộ Giáo dục và Đào tạo chi trả; kinh phí đưa học sinh, người hướng dẫn nghiên cứu tham gia Cuộc thi do đơn vị dự thi bảo đảm. Nội dung và mức chi cho các hoạt động của Cuộc thi thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục phổ thông. Trường hợp có mức chi đặc thù ngoài các quy định chung của Bộ Tài chính,

các đơn vị chi trả trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm quy định tại Quy chế này chỉ hướng dẫn về thời gian, địa điểm, quy trình thao tác trên hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi, biểu mẫu kỹ thuật và các nội dung mang tính tổ chức thực hiện khác; không được quy định thêm điều kiện, thành phần hồ sơ, tiêu chí đánh giá hoặc làm thay đổi cách xác định kết quả của Cuộc thi so với quy định tại Quy chế này.

Chương II

BAN CHỈ ĐẠO, HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THI, BAN GIÁM KHẢO

Điều 7. Ban Chỉ đạo Cuộc thi

1. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Ban Chỉ đạo Cuộc thi, gồm:

a) Trưởng ban là Lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phó Trưởng ban là Lãnh đạo Vụ Giáo dục Phổ thông, Lãnh đạo một số đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học được giao đăng cai tổ chức Cuộc thi;

c) Ủy viên là Lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và đơn vị đăng cai tổ chức Cuộc thi.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chỉ đạo Cuộc thi: Chỉ đạo, tổ chức Cuộc thi theo phân công của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham mưu, giúp Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc thi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo:

a) Chỉ đạo Cuộc thi; phê duyệt kế hoạch tổ chức Cuộc thi; thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi; phê duyệt cơ cấu lĩnh vực dự thi; phê duyệt cơ cấu xếp giải của Cuộc thi; phê duyệt danh sách dự án dự thi;

b) Phê duyệt quy trình hướng dẫn chấm thi; thành lập Ban Giám khảo; phê duyệt kết quả đoạt giải của các dự án dự thi; phê duyệt danh sách dự án dự thi quốc tế;

c) Quyết định xử lý các tình huống bất thường phát sinh trong quá trình tổ chức Cuộc thi.

Điều 8. Đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi

1. Vụ Giáo dục Phổ thông là đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi.

2. Nhiệm vụ của đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi:

a) Chủ trì tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kế hoạch tổ chức Cuộc thi; dự thảo quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi, Ban Giám khảo;

b) Thu nhận, tổng hợp, quản lý hồ sơ dự thi;

c) Phối hợp với đơn vị đăng cai tổ chức Cuộc thi chuẩn bị địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện tổ chức Cuộc thi;

d) Bảo quản hồ sơ dự thi và nộp lưu trữ theo quy định;

đ) Tham mưu Trưởng Ban Chỉ đạo và lãnh đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý các tình huống bất thường phát sinh trong quá trình tổ chức Cuộc thi.

Điều 9. Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định thành lập, gồm:

a) Chủ tịch là Lãnh đạo Vụ Giáo dục Phổ thông;

b) Phó Chủ tịch là Lãnh đạo các vụ, cục thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Thư ký là chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Ủy viên là nhà khoa học, chuyên viên, giảng viên, giáo viên có chuyên môn phù hợp với các lĩnh vực dự thi, trong đó có người có chuyên môn về an toàn sinh học, hóa chất, đạo đức nghiên cứu để thẩm định các dự án quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

2. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi:

a) Thẩm định hồ sơ dự thi theo quy định của Quy chế này và các văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Lập danh sách dự án đủ điều kiện dự thi và đề xuất cơ cấu lĩnh vực thi quy định tại Phụ lục 1 Quy chế này trình Trưởng Ban Chỉ đạo phê duyệt.

Điều 10. Ban Giám khảo

1. Ban Giám khảo Cuộc thi do Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định thành lập, gồm:

a) Trưởng ban là nhà khoa học có uy tín, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ;

b) Giám khảo là các nhà khoa học, giảng viên, giáo viên, chuyên viên có trình độ thạc sĩ trở lên hoặc có kinh nghiệm nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của Cuộc thi. Mỗi lĩnh vực dự thi có 01 (một) tiểu ban giám khảo; mỗi tiểu ban giám khảo có 01 (một) Trưởng tiểu ban đồng thời là giám khảo của tiểu ban đó; giám khảo được phân công chấm thi đúng lĩnh vực-có chuyên ngành đào tạo, kinh nghiệm nghiên cứu hoặc giảng dạy phù hợp với lĩnh vực đó; Trưởng tiểu ban giám khảo phải có chuyên môn đúng chuyên ngành thuộc lĩnh vực phụ trách;

c) Thư ký giúp việc cho Ban Giám khảo là chuyên viên các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, giảng viên, giáo viên.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám khảo:

a) Nghiên cứu, thực hiện quy trình chấm thi, biểu điểm theo hướng dẫn chấm thi đã được Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc thi phê duyệt;

b) Tổ chức chấm thi; đề xuất xếp giải Cuộc thi;

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, công bằng, khách quan trong việc đánh giá các dự án dự thi;

d) Đề xuất phương án xử lý đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình chấm thi trình Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định.

Điều 11. Tiêu chuẩn đối với người tham gia tổ chức Cuộc thi

1. Thành viên Ban ~~chi~~ Chỉ đạo, Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi, Ban Giám khảo, Tổ tư vấn quy định tại Điều 13, Tổ giám khảo quy định tại Điều 25 Quy chế này và Ban tổ chức Cuộc thi là những người tham gia tổ chức Cuộc thi.

2. Những người tham gia tổ chức Cuộc thi phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao;

b) Có năng lực chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Cuộc thi;

c) Không có vợ, chồng, con, anh, chị, em, cháu ruột hoặc anh, chị, em, cháu ruột của vợ (hoặc chồng), con riêng của vợ (hoặc chồng) dự thi trong năm tổ chức Cuộc thi;

d) Không phải là người hướng dẫn nghiên cứu, chuyên gia hỗ trợ chuyên môn của dự án dự thi hoặc đang trực tiếp dạy học học sinh có dự án dự thi trong năm tổ chức Cuộc thi;

đ) Không trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, đang chấp hành quyết định kỷ luật hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Trước khi được phân công nhiệm vụ ít nhất 05 (năm) ngày làm việc, người tham gia tổ chức Cuộc thi phải kê khai bằng văn bản về mối quan hệ nhân thân, chuyên môn với học sinh, đơn vị dự thi có dự án dự thi trong năm tổ chức Cuộc thi, quan hệ hợp tác nghiên cứu, quyền lợi tài chính, quyền sở hữu trí tuệ hoặc quan hệ chuyên môn khác có khả năng ảnh hưởng đến tính độc lập, khách quan đối với dự án dự thi và cam kết thực hiện nhiệm vụ độc lập, khách quan; trường hợp phát hiện có xung đột lợi ích, phải báo cáo ngay với Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi để xem xét, phân công lại.

Chương III

CÔNG KHAI, MINH BẠCH VÀ LIÊM CHÍNH KHOA HỌC

Điều 12. Công khai thông tin về Cuộc thi

1. Đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi có trách nhiệm công khai nội dung sau:

a) Danh mục lĩnh vực dự thi; tiêu chí đánh giá, thang điểm; kế hoạch, thời gian và địa điểm tổ chức Cuộc thi;

b) Danh sách dự án dự thi do các đơn vị dự thi lựa chọn tham gia Cuộc thi cấp quốc gia, bao gồm: tên dự án, lĩnh vực dự thi, tác giả, người hướng dẫn, đơn vị dự

thi; danh sách này được công khai chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc Cuộc thi, sau khi Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi hoàn thành thẩm định;

c) Báo cáo tóm tắt và poster của dự án dự thi, được công khai đồng thời với danh sách dự án dự thi quy định tại điểm b khoản này;

d) Kết quả xếp giải và các thông tin khác theo quyết định của Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi.

2. Đơn vị dự thi có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị dự thi và tại cơ sở giáo dục có dự án dự thi danh sách dự án dự thi được chọn cử tham gia Cuộc thi cấp quốc gia trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chọn cử.

3. Việc công khai thông tin, dữ liệu cá nhân phục vụ Cuộc thi phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền sở hữu trí tuệ, bí mật nhà nước (nếu có) và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, mức độ và thời hạn cần thiết. Chỉ công khai những thông tin cần thiết cho việc tổ chức, bảo đảm minh bạch và công bố kết quả Cuộc thi; không công khai dữ liệu cá nhân không cần thiết, dữ liệu cá nhân nhạy cảm hoặc thông tin thuộc phạm vi hạn chế công khai theo quy định của pháp luật. Đối với học sinh chưa thành niên, việc xử lý, công khai dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; trường hợp công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của học sinh thì phải có sự đồng ý của học sinh và cha, mẹ hoặc người giám hộ của học sinh.

4. Đối với dự án dự thi đang trong quá trình đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ, đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi và đơn vị dự thi được giới hạn công khai đối với nội dung, sơ đồ, công thức cốt lõi liên quan trực tiếp đến hồ sơ đăng ký bảo hộ, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của học sinh, người hướng dẫn nghiên cứu và xác nhận của cơ sở giáo dục.

Điều 13. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về liên chính khoa học, tính nguyên gốc của dự án dự thi

1. Đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi có trách nhiệm công khai địa chỉ, hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về dấu hiệu vi phạm quy chế, liên chính khoa học, tính nguyên gốc của dự án dự thi.

2. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị có căn cứ cụ thể, đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi báo cáo Trường Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định việc xác minh. Đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi xác nhận việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được; bảo vệ thông tin cá nhân của người phản ánh, kiến nghị theo quy định của pháp luật; thông báo kết quả hoặc tình trạng xử lý cho người phản ánh, kiến nghị khi có thông tin liên hệ; ưu tiên xử lý trước thời điểm chấm thi và công bố giải đối với phản ánh, kiến nghị có tài liệu, chứng cứ cụ thể. Thời hạn xác minh không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày có quyết định xác minh; đối với vụ việc phức tạp, Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định gia hạn một lần, thời gian gia hạn không quá 30 (ba mươi) ngày.

3. Trường hợp cần thiết, Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định thành lập Tổ tư vấn để xác minh, đánh giá dự án dự thi có phản ánh, kiến nghị; thành viên Tổ tư vấn phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Quy chế này.

4. Kết quả xác minh là căn cứ để Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi xem xét, quyết định xử lý theo quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, kiến nghị chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, khách quan của nội dung phản ánh, kiến nghị; nghiêm cấm việc lợi dụng quyền phản ánh, kiến nghị để vu khống, xúc phạm danh dự, nhân phẩm hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức, cá nhân khác.

6. Trường hợp nội dung phản ánh, kiến nghị thuộc phạm vi khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật thì việc tiếp nhận, giải quyết thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

7. Điều 23 Quy chế này áp dụng đối với hiện tượng bất thường về dự án dự thi hoặc việc chấm thi do giám khảo trực tiếp phát hiện tại thời điểm chấm thi; Điều này áp dụng đối với phản ánh, kiến nghị do tổ chức, cá nhân bên ngoài gửi đến trước, trong hoặc sau Cuộc thi. Trường hợp phản ánh, kiến nghị theo Điều này liên quan đến dự án đang trong quá trình chấm thi thì Trường Ban Giám khảo phối hợp đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi xử lý thống nhất theo một đầu mối.

Điều 14. Nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc và minh chứng quá trình thực hiện dự án

1. Trong quá trình thực hiện dự án, học sinh phải lập và lưu giữ nhật ký nghiên cứu (bằng hình thức điện tử hoặc văn bản) ghi nhận đầy đủ, liên tục quá trình nghiên cứu, gồm: thời gian, nội dung công việc, phương pháp thực hiện, kết quả từng giai đoạn và vai trò cụ thể của từng thành viên (đối với dự án tập thể). Người hướng dẫn nghiên cứu có trách nhiệm xác nhận định kỳ, ít nhất 01 (một) lần mỗi tháng, vào nhật ký nghiên cứu để thể hiện việc hướng dẫn, giám sát quá trình thực hiện dự án.

2. Học sinh có trách nhiệm lưu giữ dữ liệu gốc, tài liệu, hình ảnh, video liên quan đến quá trình thực hiện dự án và cung cấp khi được cơ sở giáo dục, đơn vị dự thi hoặc Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi yêu cầu.

3. Nhật ký nghiên cứu và dữ liệu gốc là căn cứ để cơ sở giáo dục, đơn vị dự thi, Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi phân biệt mức độ tham gia thực chất của học sinh với vai trò hỗ trợ, hướng dẫn của giáo viên, nhà khoa học; là tài liệu bắt buộc phải xuất trình khi được yêu cầu xác minh theo Điều 13 Quy chế này.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn lộ trình áp dụng bắt buộc hình thức điện tử và yêu cầu kỹ thuật, thao tác lập, lưu trữ nhật ký nghiên cứu điện tử trên hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi tại văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm, bảo đảm phù hợp với nội dung cơ bản của nhật ký nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều này; đồng thời ban hành mẫu Phiếu khai báo sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo áp dụng thống nhất trên hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi quy định tại Điều 26 Quy chế này, trên cơ sở nguyên tắc phân loại quy định tại Điều 15 Quy chế này.



5. Hồ sơ, nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc chỉ được cung cấp cho chủ thể có thẩm quyền, đúng mục đích thẩm định, xác minh; việc trích xuất, sao chép, công khai dữ liệu quy định tại Điều này phải bảo đảm quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ và bí mật nhà nước.

Điều 15. Nguyên tắc sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu

1. Việc sử dụng công cụ số, trí tuệ nhân tạo trong quá trình thực hiện dự án được phân loại theo 03 (ba) nhóm mức độ như sau:

a) Được phép sử dụng, không phải khai báo: tra cứu thông tin, tài liệu tham khảo; kiểm tra chính tả, ngữ pháp;

b) Được phép sử dụng nhưng phải khai báo theo quy định tại khoản 2 Điều này: hỗ trợ xử lý, phân tích dữ liệu, mô phỏng, lập trình; tạo lập hình ảnh, sơ đồ; biên soạn, biên dịch nội dung báo cáo, poster và các trường hợp sử dụng khác có ảnh hưởng đến nội dung, kết quả nghiên cứu hoặc sản phẩm trình bày của dự án;

c) Nghiêm cấm sử dụng: các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Học sinh có trách nhiệm kê khai trung thực trong hồ sơ dự thi về việc sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, bao gồm mục đích, phạm vi và mức độ sử dụng (nếu có), đồng thời chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung kê khai và về tính trung thực, tính nguyên gốc của dự án, kết quả nghiên cứu theo quy định của Quy chế này.

3. Nghiêm cấm các hành vi sau:

a) Sử dụng công nghệ số hoặc trí tuệ nhân tạo để giả mạo quá trình nghiên cứu, tạo lập hoặc làm sai lệch dữ liệu, kết quả nghiên cứu;

b) Sử dụng công nghệ số hoặc trí tuệ nhân tạo để sao chép, chiếm đoạt hoặc trình bày kết quả nghiên cứu của tổ chức, cá nhân khác như là kết quả nghiên cứu của mình;

c) Che giấu hoặc kê khai không trung thực về việc sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong hồ sơ dự thi;

d) Sử dụng công nghệ số hoặc trí tuệ nhân tạo để tạo lập bằng chứng nghiên cứu không có thực, giả mạo nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc hoặc để thực hiện thay học sinh các nội dung nghiên cứu cốt lõi quy định tại khoản 2 Điều 16 Quy chế này.

4. Người hướng dẫn nghiên cứu có trách nhiệm hướng dẫn học sinh sử dụng công cụ số, trí tuệ nhân tạo đúng mục đích, an toàn, có trách nhiệm; xác nhận nội dung khai báo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Yêu cầu đối với người hướng dẫn nghiên cứu về liên chính khoa học

1. Người hướng dẫn nghiên cứu chịu trách nhiệm về liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học; bảo đảm yêu cầu đối với dự án dự thi theo các quy định tại Quy chế này.

2. Người hướng dẫn nghiên cứu có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát để bảo đảm sự tham gia thực chất, độc lập của học sinh trong toàn bộ quá trình thực hiện

dự án; không được trực tiếp thực hiện thay cho học sinh các nội dung nghiên cứu cốt lõi của dự án. Nội dung nghiên cứu cốt lõi của dự án bao gồm thiết kế nghiên cứu, thu thập và xử lý dữ liệu gốc, phân tích, giải thích kết quả (đối với dự án khoa học) hoặc chế tạo, kiểm tra nguyên mẫu, mô hình (đối với dự án kỹ thuật) và kết luận nghiên cứu, phù hợp với nội dung báo cáo tóm tắt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này. Người hướng dẫn nghiên cứu, chuyên gia hỗ trợ chuyên môn được hướng dẫn, hỗ trợ học sinh về phương pháp, kỹ thuật, thiết bị, công cụ, điều kiện nghiên cứu và an toàn nghiên cứu; việc hướng dẫn, hỗ trợ không được làm mất tính thực chất, độc lập trong sự tham gia của học sinh hoặc thay thế học sinh thực hiện các nội dung nghiên cứu cốt lõi của dự án.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu chịu trách nhiệm khi để xảy ra vi phạm liêm chính khoa học của dự án do mình hướng dẫn, theo quy định tại Điều 39 Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

PHÊ DUYỆT VÀ LỰA CHỌN DỰ ÁN DỰ THI

Điều 17. Quy trình đăng ký, phê duyệt và lựa chọn dự án dự thi

1. Đối với cơ sở giáo dục:

a) Cơ sở giáo dục thông báo công khai mục tiêu, nội dung, yêu cầu, tiêu chí đánh giá dự án dự thi và hình thức tổ chức Cuộc thi để giáo viên, nhân viên phát hiện, hướng dẫn học sinh lựa chọn đề tài, xây dựng kế hoạch nghiên cứu;

b) Giáo viên, nhân viên đã hướng dẫn học sinh xây dựng kế hoạch nghiên cứu báo cáo với tổ chuyên môn để tổ chuyên môn báo cáo, đề nghị hiệu trưởng hoặc giám đốc (sau đây gọi chung là người đứng đầu) cơ sở giáo dục xem xét, phê duyệt;

c) Người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt kế hoạch nghiên cứu và người hướng dẫn nghiên cứu theo đề nghị của tổ chuyên môn; chỉ đạo tổ chuyên môn theo dõi, hỗ trợ quá trình nghiên cứu và việc lập, ghi chép nhật ký nghiên cứu của học sinh theo kế hoạch nghiên cứu đã được phê duyệt;

d) Cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá dự án của học sinh; lựa chọn dự án thuộc cơ sở giáo dục gửi đơn vị dự thi để được đánh giá, lựa chọn theo hướng dẫn của đơn vị dự thi;

đ) Đối với dự án nghiên cứu thuộc mức phê duyệt rủi ro quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quy chế này, người đứng đầu cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá sơ bộ mức độ an toàn trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của ít nhất 01 (một) người có chuyên môn phù hợp không phải là người hướng dẫn nghiên cứu của dự án, hoàn thành trước khi học sinh tiến hành thí nghiệm, can thiệp hoặc thu thập dữ liệu có yếu tố rủi ro; kết quả đánh giá được phê duyệt cùng với kế hoạch nghiên cứu quy định tại điểm c khoản này. Trường hợp vượt quá năng lực chuyên môn của cơ sở giáo dục, phải có ý kiến bằng văn bản của chuyên gia hoặc tổ chức chuyên môn phù hợp trước khi thực hiện. Việc đánh giá, phê duyệt mức độ an toàn theo Quy chế này không thay thế các điều kiện, giấy phép, quy trình đánh giá, phê duyệt hoặc yêu cầu an toàn bắt buộc theo quy định của pháp luật chuyên

ngành đối với từng loại hoạt động nghiên cứu, thí nghiệm, hóa chất, vi sinh vật, nguồn phóng xạ, dữ liệu hoặc đối tượng nghiên cứu.

2. Đối với đơn vị dự thi:

a) Tổ chức cuộc thi ở cấp đơn vị dự thi, lựa chọn dự án dự thi theo tiêu chí đánh giá của Phụ lục 2 Quy chế này và cử dự án tham gia Cuộc thi theo số lượng được quy định tại Điều 5 Quy chế này;

b) Gửi hồ sơ dự thi theo quy định tại Điều 18 Quy chế này về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày khai mạc Cuộc thi ít nhất 30 (ba mươi) ngày;

c) Công bố công khai danh sách dự án dự thi được chọn cử theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;

d) Hướng dẫn tổ chức cuộc thi cấp đơn vị dự thi chỉ quy định các nội dung tổ chức thực hiện thuộc thẩm quyền của đơn vị dự thi; không được quy định thêm điều kiện đối với học sinh dự thi, thành phần hồ sơ dự thi, tiêu chí đánh giá, điều kiện lựa chọn dự án hoặc hạn chế quyền tham gia của học sinh ngoài quy định tại Quy chế này.

Điều 18. Hồ sơ dự thi

Hồ sơ dự thi bao gồm:

1. Quyết định của người đứng đầu đơn vị dự thi cử các dự án tham dự Cuộc thi.

2. Giấy xác nhận kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chữ ký của người đứng đầu cơ sở giáo dục; trường hợp thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của học sinh đã có trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục hoặc học bạ số thì không phải nộp thành phần này.

3. Hồ sơ dự án dự thi, gồm:

a) Thuyết minh về việc đăng ký, phê duyệt và lựa chọn dự án dự thi tại cơ sở giáo dục và đơn vị dự thi theo quy định tại Điều 17 Quy chế này;

b) Kế hoạch nghiên cứu đã được người đứng đầu cơ sở giáo dục phê duyệt;

c) Báo cáo kết quả thực hiện dự án dự thi và báo cáo tóm tắt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quy chế này;

d) Cam kết của học sinh và người hướng dẫn nghiên cứu về việc tuân thủ các quy định tại Điều 4 Quy chế này;

đ) Nhật ký nghiên cứu và minh chứng dữ liệu gốc theo quy định tại Điều 14 Quy chế này;

e) Phiếu khai báo sử dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đối với dự án thuộc trường hợp phải khai báo theo quy định tại Điều 15 Quy chế này;

g) Kết quả đánh giá sơ bộ mức độ an toàn, ý kiến bằng văn bản của chuyên gia, tổ chức chuyên môn và văn bản đồng ý của người tham gia nghiên cứu (nếu có) đối với dự án quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Quy chế này.

4. Hồ sơ dự thi được nộp bằng hình thức điện tử trên hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi quy định tại Điều 26 Quy chế này; trường hợp hệ thống chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện tiếp nhận điện tử đối với một số thành phần hồ sơ thì được kết hợp nộp bản giấy đối với các thành phần đó, theo thông báo của đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi trước mỗi kỳ tổ chức Cuộc thi.

5. Việc thu thập, sử dụng, lưu trữ, khai thác và công khai dữ liệu cá nhân phục vụ Cuộc thi được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định tại Điều 12, Điều 27 Quy chế này; chỉ yêu cầu cung cấp dữ liệu cần thiết cho việc đăng ký, thẩm định, chấm thi, công bố kết quả, lưu trữ và giải quyết các vấn đề phát sinh theo Quy chế này.

6. Trường hợp thông tin, dữ liệu thuộc hồ sơ dự thi đã được quản lý, xác thực trên hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi hoặc cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và có thể khai thác theo thẩm quyền thì không yêu cầu đơn vị dự thi, cơ sở giáo dục, học sinh nộp lại bản giấy hoặc cung cấp lại thông tin, dữ liệu đó.

Chương V

THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THI, CHẤM THI VÀ XẾP GIẢI

Điều 19. Thẩm định hồ sơ dự thi

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ dự thi theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 17 và Điều 18 Quy chế này và các văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ dự thi và số lượng dự án dự thi của từng lĩnh vực, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi lập danh sách dự án đủ điều kiện dự thi và đề xuất cơ cấu lĩnh vực dự thi trình Trường Ban Chỉ đạo phê duyệt.

Điều 20. Quy trình chấm thi

1. Mỗi dự án dự thi có ít nhất 03 (ba) giám khảo chấm thi độc lập; việc phân công giám khảo chấm thi được thực hiện bằng hình thức bốc thăm trong sổ giám khảo của tiểu ban giám khảo phụ trách lĩnh vực đó, không phân công giám khảo có xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

2. Giám khảo chấm thi các dự án được phân công thực hiện chấm thi theo hướng dẫn chấm thi đã được phê duyệt.

3. Mỗi dự án dự thi được từng giám khảo đánh giá độc lập trên cơ sở: báo cáo tóm tắt, poster đã được công khai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 12 Quy chế này; kế hoạch nghiên cứu, nhật ký nghiên cứu và hồ sơ dự thi được cung cấp theo quy định tại Điều 18 Quy chế này; và nội dung trình bày, báo cáo trực tiếp của tác giả dự án, trả lời phỏng vấn giám khảo tại khu vực trưng bày poster; cho điểm theo thang điểm, tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 21 Quy chế này.

4. Điểm đánh giá dự án dự thi là trung bình cộng điểm của các giám khảo chấm thi, được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân. Trường hợp điểm của một giám khảo chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm trung bình cộng của các giám khảo

còn lại (tính theo giá trị tuyệt đối), Trường tiểu ban giám khảo yêu cầu giám khảo đó rà soát, giải trình bằng văn bản trên cơ sở tiêu chí đánh giá, minh chứng của dự án và phiếu chấm; trường hợp nội dung giải trình không phù hợp với tiêu chí đánh giá, minh chứng của dự án thì Trường tiểu ban giám khảo phân công bổ sung 01 (một) giám khảo khác của tiểu ban, không có xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 11 Quy chế này, chấm độc lập dự án đó; điểm của giám khảo được phân công bổ sung thay thế điểm có chênh lệch. Trường hợp có trên 50% số giám khảo có điểm chênh lệch từ 20% trở lên, Trường tiểu ban giám khảo tổ chức rà soát quy trình chấm và yêu cầu các giám khảo chấm lại độc lập. Việc điều chỉnh điểm phải căn cứ vào tiêu chí đánh giá, minh chứng và phiếu chấm; không thực hiện việc thỏa thuận hoặc thống nhất điểm giữa các giám khảo. Việc rà soát, giải trình, chấm bổ sung, chấm lại và kết quả điều chỉnh điểm (nếu có) được lập thành biên bản có chữ ký của Trường tiểu ban giám khảo và các giám khảo có liên quan, làm căn cứ giải trình khi có khiếu nại.

5. Mỗi lĩnh vực lập 01 biên bản kết quả chấm thi của lĩnh vực đó; biên bản có chữ ký của Trường tiểu ban giám khảo và Thư ký được phân công.

6. Trường Ban Giám khảo căn cứ kết quả chấm thi của các lĩnh vực đề xuất xếp giải của Cuộc thi theo quy định tại Điều 22 Quy chế này gửi đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi trình Trường Ban Chỉ đạo phê duyệt.

Điều 21. Tiêu chí đánh giá dự án dự thi và thang điểm

1. Dự án dự thi được chấm theo thang điểm 100, điểm đánh giá dự án dự thi của từng giám khảo là tổng điểm các tiêu chí quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này.

2. Cơ cấu điểm được xây dựng theo hướng kết hợp đánh giá nội dung khoa học, tính mới, phương pháp nghiên cứu với đánh giá quá trình thực hiện dự án thông qua hồ sơ, nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc quy định tại Điều 14 Quy chế này và phần phỏng vấn trực tiếp tác giả.

3. Tiêu chí đánh giá dự án dự thi và thang điểm chi tiết được quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quy chế này.

Điều 22. Xếp giải của Cuộc thi

1. Các giải của Cuộc thi được xếp theo lĩnh vực dự thi, dựa trên điểm đánh giá các dự án dự thi, không phân biệt cấp học, không phân biệt dự án cá nhân hay dự án tập thể, gồm có giải Nhất, giải Nhì, giải Ba và giải Tư.

2. Tổng số giải của Cuộc thi không vượt quá 60% tổng số dự án dự thi. Trong đó, số giải Nhất không vượt quá 10% tổng số giải; số giải Nhì không vượt quá 20% tổng số giải; số giải Ba không vượt quá 30% tổng số giải; số giải Tư là số giải còn lại. Dự án dự thi chỉ được xếp giải khi đạt điểm đánh giá từ 50 (năm mươi) điểm trở lên. Trường hợp số giải tính theo tỷ lệ không phải là số nguyên thì lấy phần nguyên. Trường hợp các dự án có điểm đánh giá bằng nhau tại ngưỡng xét giải thì ưu tiên dự án có tổng điểm nhóm tiêu chí III, tiếp đến nhóm tiêu chí II quy định tại Phụ lục 2 Quy chế này cao hơn. Các tỷ lệ quy định tại khoản này là giới hạn tối đa, không phải số lượng giải bắt buộc phải trao; việc xếp giải căn cứ vào điểm đánh

giá thực tế và ngưỡng điểm quy định tại khoản này, trường hợp không có đủ dự án đạt yêu cầu thì không trao hết số lượng giải tối đa của từng loại giải.

Điều 23. Xử lý hiện tượng bất thường khi chấm thi

1. Nếu giám khảo phát hiện có hiện tượng bất thường về dự án dự thi hoặc về việc chấm thi thì phải báo cáo ngay với Trường Ban Giám khảo.

2. Trường Ban Giám khảo tổ chức họp với các thành viên tiểu ban giám khảo hoặc toàn thể Ban Giám khảo để xem xét, xác nhận, đề xuất phương án xử lý và lập biên bản báo cáo Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định.

Chương VI

LỰA CHỌN, BỒI DƯỠNG DỰ ÁN DỰ THI QUỐC TẾ

Điều 24. Nguyên tắc, phạm vi lựa chọn dự án dự thi quốc tế

1. Chỉ dự án dự thi của học sinh trung học phổ thông đạt giải Nhất và 50% (năm mươi phần trăm) số dự án đạt giải Nhì của Cuộc thi (tính theo từng lĩnh vực dự thi, lấy theo thứ tự điểm đánh giá từ cao xuống thấp; trường hợp kết quả tính 50% không phải là số nguyên thì lấy phần nguyên; trường hợp có nhiều dự án bằng điểm tại vị trí cuối cùng thì áp dụng nguyên tắc ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 22 Quy chế này) được đưa vào danh sách xem xét, đánh giá để lựa chọn tham gia thi chọn dự án dự thi quốc tế; dự án dự thi của học sinh trung học cơ sở không thuộc phạm vi xem xét, lựa chọn dự án dự thi quốc tế.

2. Việc lựa chọn quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy trình đánh giá, lựa chọn nhiều giai đoạn, gắn với hoạt động bồi dưỡng quy định tại Điều 25 Quy chế này.

Điều 25. Quy trình chấm chọn và bồi dưỡng dự án dự thi quốc tế

1. Căn cứ danh sách dự án được xem xét theo Điều 24 Quy chế này, Trường Ban Giám khảo đề xuất thành lập Tổ giám khảo chấm chọn dự án dự thi quốc tế (sau đây gọi tắt là Tổ giám khảo) gồm các thành viên Ban Giám khảo có năng lực sử dụng tiếng Anh phù hợp, do Trường Ban Giám khảo làm Tổ trưởng, trình Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định.

2. Học sinh dự thi chọn dự án dự thi quốc tế trình bày kết quả thực hiện dự án dự thi và trả lời phỏng vấn của Tổ giám khảo bằng tiếng Anh. Mỗi dự án dự thi được từng giám khảo đánh giá, cho điểm độc lập theo thang điểm, tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 21 Quy chế này.

3. Việc chấm điểm, xử lý chênh lệch điểm giữa các giám khảo và lập biên bản kết quả chấm chọn dự án dự thi quốc tế thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này, bảo đảm nguyên tắc khách quan, công bằng, chính xác.

4. Kết quả đánh giá các dự án dự thi chọn dự án dự thi quốc tế được lập thành biên bản, thông qua Tổ giám khảo và có chữ ký của Tổ trưởng Tổ giám khảo và Thư ký được phân công.

5. Tổ trưởng Tổ giám khảo căn cứ kết quả chấm thi chọn dự án dự thi quốc tế đề xuất danh sách dự án dự thi được lựa chọn cử đi dự thi quốc tế gửi đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi để trình Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc thi phê duyệt.

6. Đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi tổ chức bồi dưỡng, hoàn thiện dự án và kỹ năng trình bày, phản biện bằng ngoại ngữ cho các dự án được lựa chọn theo quy trình nhiều giai đoạn, huy động sự tham gia của các nhà khoa học, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và chuyên gia trong nước, quốc tế.

Chương VII

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG QUẢN LÝ, TỔ CHỨC CUỘC THI

Điều 26. Hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, vận hành hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi phục vụ đăng ký dự án, quản lý hồ sơ dự thi, lưu trữ nhật ký nghiên cứu, tổ chức chấm thi, công khai thông tin và hỗ trợ công tác kiểm tra, hậu kiểm.

2. Đơn vị dự thi, cơ sở giáo dục có trách nhiệm cập nhật thông tin, hồ sơ dự án dự thi trên hệ thống quản lý thống nhất theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đơn vị chịu trách nhiệm quản trị dữ liệu trên hệ thống; bảo đảm yêu cầu về phân quyền truy cập, nhật ký truy cập, sao lưu dữ liệu định kỳ, phương án vận hành thay thế khi hệ thống gặp sự cố và thời hạn lưu trữ, cơ chế xóa hoặc ẩn dữ liệu khi hết mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật; các yêu cầu này được công bố tại văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi trước khi áp dụng bắt buộc hình thức hồ sơ điện tử.

Điều 27. Yêu cầu về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân

1. Đơn vị quản lý, vận hành hệ thống quy định tại Điều 26 Quy chế này có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin, phòng ngừa truy cập trái phép, mất mát dữ liệu.

2. Việc thu thập, sử dụng, lưu trữ dữ liệu cá nhân của học sinh, người hướng dẫn trên hệ thống phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, đặc biệt đối với dữ liệu cá nhân của học sinh chưa thành niên; chỉ được sử dụng cho mục đích tổ chức Cuộc thi và mục đích khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc phân quyền truy cập hệ thống được thực hiện theo từng nhóm hồ sơ, bảo đảm chỉ người có thẩm quyền mới được tiếp cận; đối với dữ liệu cá nhân của học sinh chưa thành niên, đơn vị quản lý, vận hành hệ thống phải áp dụng biện pháp bảo vệ phù hợp theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Điều 28. Lưu trữ hồ sơ Cuộc thi

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm lưu trữ theo quy định đối với: danh sách dự án dự thi, học sinh dự thi và kết quả xếp giải của Cuộc thi; danh sách dự án dự thi, học sinh được cử đi dự thi quốc tế; sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải; biên bản xử lý các hiện tượng bất thường của Cuộc thi; hồ sơ dự thi.

2. Đơn vị dự thi có trách nhiệm lưu trữ theo quy định đối với hồ sơ dự thi và danh sách dự án, học sinh của đơn vị dự thi tham dự Cuộc thi.

3. Việc lưu trữ hồ sơ, tài liệu quy định tại Điều này được thực hiện trên môi trường số thông qua hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi quy định tại Điều 26 Quy chế này, kết hợp lưu trữ bản giấy đối với hồ sơ, tài liệu chưa số hóa được, theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 29. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chỉ đạo tổ chức Cuộc thi.
2. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
3. Quyết định phương án xử lý các trường hợp đặc biệt do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh, sự cố hệ thống quản lý thống nhất Cuộc thi quy định tại Điều 26 Quy chế này và các tình huống bất thường khác làm ảnh hưởng đến việc tổ chức Cuộc thi theo kế hoạch đã được phê duyệt.
4. Bố trí kinh phí tổ chức thẩm định hồ sơ dự thi và công tác chấm thi của Cuộc thi.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Phê duyệt phương án, kế hoạch và bố trí kinh phí tổ chức lựa chọn dự án dự thi của đơn vị dự thi thuộc phạm vi quản lý và tổ chức Cuộc thi (trong trường hợp Sở Giáo dục và Đào tạo được giao đăng cai tổ chức Cuộc thi) theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.
2. Chỉ đạo đơn vị dự thi thuộc phạm vi quản lý và các cơ quan có liên quan phối hợp với đơn vị dự thi để lựa chọn dự án dự thi và tổ chức Cuộc thi (trong trường hợp Sở Giáo dục và Đào tạo được giao đăng cai tổ chức Cuộc thi) theo quy định tại Quy chế này.

Điều 31. Trách nhiệm của đơn vị dự thi

1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tổ chức hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học theo quy định của Quy chế này.
2. Căn cứ Quy chế này, ban hành hướng dẫn và tổ chức cuộc thi ở cấp đơn vị dự thi, lựa chọn dự án dự thi, đăng ký dự thi, bảo đảm liên chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học của các dự án dự thi theo quy định. Công bố công khai các dự án được chọn cử dự thi cấp quốc gia.
3. Xây dựng phương án, kế hoạch và kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho học sinh tham gia Cuộc thi.

Điều 32. Trách nhiệm của đơn vị đăng cai tổ chức Cuộc thi

1. Phối hợp với đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi xây dựng phương án, kế hoạch và bố trí kinh phí tổ chức Cuộc thi theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thành lập Ban tổ chức Cuộc thi và tổ chức các hoạt động của Cuộc thi.

3. Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện khác phục vụ cho công tác tổ chức Cuộc thi, bảo đảm an toàn, nghiêm túc, hiệu quả.

4. Đơn vị đăng cai tổ chức Cuộc thi là Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ sở giáo dục đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn, giao nhiệm vụ đăng cai tổ chức Cuộc thi trong từng năm theo văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm.

Điều 33. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Thực hiện quy định tại Điều 17 của Quy chế này và các văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục tổ chức cho học sinh đăng ký dự án nghiên cứu, phê duyệt kế hoạch nghiên cứu, cử người hướng dẫn nghiên cứu, đánh giá dự án của học sinh, lựa chọn dự án thuộc cơ sở giáo dục gửi đơn vị dự thi để được đánh giá, lựa chọn theo hướng dẫn của đơn vị dự thi.

2. Hướng dẫn học sinh lập, lưu trữ nhật ký nghiên cứu theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

3. Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện và tham mưu cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học.

Điều 34. Trách nhiệm và quyền lợi của học sinh

1. Trách nhiệm của học sinh:

a) Chịu trách nhiệm về dự án dự thi của mình theo quy định tại Quy chế này và các văn bản hướng dẫn tổ chức Cuộc thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đăng ký dự thi theo đơn vị dự thi;

c) Lập, lưu trữ nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc theo quy định tại Điều 14 Quy chế này và cung cấp khi được yêu cầu xác minh;

d) Tham gia Cuộc thi theo đúng hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Chỉ đạo Cuộc thi.

2. Quyền lợi của học sinh: Học sinh đoạt giải của Cuộc thi được hưởng các quyền lợi trong học tập và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về tuyển sinh, thi đua, khen thưởng và quy định khác có liên quan.

Điều 35. Trách nhiệm, quyền lợi của người hướng dẫn

1. Trách nhiệm về liêm chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp và giới hạn tham gia của người hướng dẫn nghiên cứu thực hiện theo quy định tại Điều 16 Quy chế này.

2. Người hướng dẫn nghiên cứu được tính giờ nghiên cứu khoa học, giờ dạy và các quyền lợi khác theo quy định về chế độ làm việc đối với giáo viên, giảng viên và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương IX

KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36. Kiểm tra

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và cơ quan quản lý có thẩm quyền khác theo phân cấp quản lý quyết định thành lập đoàn kiểm tra công tác tổ chức Cuộc thi.

Điều 37. Khen thưởng

1. Những người tham gia tổ chức Cuộc thi và học sinh có nhiều đóng góp tích cực, có thành tích trong Cuộc thi được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Việc khen thưởng đối với dự án dự thi, học sinh bị phát hiện vi phạm liên chính khoa học sau khi đã khen thưởng được xem xét thu hồi theo quy định tại Điều 41 Quy chế này.

Điều 38. Xử lý vi phạm đối với học sinh

1. Học sinh có hành vi gian lận trong quá trình nghiên cứu khoa học và tham gia Cuộc thi tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo một trong các hình thức sau: cảnh cáo bằng văn bản; đình chỉ thi; hủy kết quả thi. Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định hình thức xử lý trên cơ sở đề xuất của Trường Ban Giám khảo, Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi hoặc Tổ tư vấn. Trước khi quyết định hình thức xử lý, học sinh được quyền giải trình; quyết định xử lý được thông báo bằng văn bản cho học sinh, người đại diện theo pháp luật của học sinh (đối với học sinh chưa thành niên) và cơ sở giáo dục nơi học sinh đang học.

2. Hủy kết quả thi và cấm tham dự Cuộc thi từ 01 (một) đến 02 (hai) năm nếu vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Xâm phạm thân thể, xúc phạm danh dự, nhân phẩm học sinh khác hoặc người tham gia tổ chức Cuộc thi;

b) Gây rối làm mất trật tự an ninh tại khu vực tổ chức Cuộc thi;

c) Làm giả hồ sơ dự thi, nhật ký nghiên cứu hoặc dữ liệu gốc.

3. Đối với hành vi vi phạm có dấu hiệu hình sự thì đơn vị thường trực Ban Chỉ đạo Cuộc thi báo cáo Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi chuyển hồ sơ, tài liệu đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn, cơ sở giáo dục, đơn vị dự thi

1. Người hướng dẫn nghiên cứu đề xảy ra vi phạm liên chính khoa học của dự án do mình hướng dẫn, tùy tính chất, mức độ, bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, lao động và pháp luật có liên quan; căn cứ kết quả xác minh theo quy định tại Điều 13 Quy chế này, Trường Ban Chỉ đạo Cuộc thi có thể quyết định không chấp nhận người đó làm người hướng dẫn nghiên cứu của dự án dự thi từ 01 (một) đến 02 (hai) lần tổ chức Cuộc thi tiếp theo.

2. Cơ sở giáo dục, đơn vị dự thi không thực hiện đầy đủ trách nhiệm phê duyệt, đánh giá, lựa chọn, giám sát quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Điều 17, Điều 33 Quy chế này, để xảy ra vi phạm liên chính khoa học, tùy tính chất, mức độ vi phạm, bị nhắc nhở, phê bình hoặc xem xét trách nhiệm của người đứng đầu theo quy định của pháp luật.

3. Việc xử lý vi phạm quy định tại Điều này không thay thế trách nhiệm xử lý kỷ luật, trách nhiệm dân sự, hình sự theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 40. Xử lý vi phạm đối với người tham gia tổ chức Cuộc thi

1. Công chức, viên chức tham gia tổ chức Cuộc thi có hành vi vi phạm quy chế Cuộc thi sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

2. Những người không phải là công chức, viên chức tham gia tổ chức Cuộc thi có hành vi vi phạm quy chế Cuộc thi tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trong quá trình tổ chức Cuộc thi, khi phát hiện sai phạm, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc thi có quyền đình chỉ việc tham gia tổ chức Cuộc thi đối với những người tham gia tổ chức Cuộc thi.

4. Các hình thức xử lý vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này do thủ trưởng cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức ra quyết định theo quy định.

Điều 41. Thu hồi kết quả, giải thưởng

1. Kết quả, giải thưởng của dự án dự thi bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Dự án được xác định vi phạm liên chính khoa học theo kết quả xác minh quy định tại Điều 13 Quy chế này;

b) Hồ sơ dự thi, nhật ký nghiên cứu hoặc dữ liệu gốc của dự án bị giả mạo;

c) Thuộc trường hợp phải thu hồi kết quả, giải thưởng theo quy định của pháp luật.

Việc thu hồi phải căn cứ vào kết quả xác minh, kiểm tra, thanh tra hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng Ban Chỉ đạo Cuộc thi quyết định thu hồi kết quả, giải thưởng trên cơ sở đề xuất của Tổ tư vấn hoặc Hội đồng thẩm định hồ sơ dự thi sau khi xác minh; đồng thời xem xét trách nhiệm của học sinh, người hướng dẫn, cơ sở giáo dục, đơn vị dự thi có liên quan theo quy định tại Điều 38, Điều 39 Quy chế này.

3. Việc thu hồi kết quả, giải thưởng được thông báo công khai theo hình thức tương ứng với hình thức đã công bố kết quả, giải thưởng.

Phụ lục 1

CÁC LĨNH VỰC CỦA CUỘC THI

(Kèm theo Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 84 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 09 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Danh mục lĩnh vực dự thi gồm 16 (mười sáu) lĩnh vực, cụ thể như sau:

1. Sinh học (nghiên cứu sự sống ở cấp độ phân tử, tế bào, cơ thể, quần thể)
2. Sinh học ứng dụng (ứng dụng sinh học trong y dược, nông nghiệp, thực phẩm, môi trường)
3. Khoa học vật chất (hóa học, vật lý cơ bản, khoa học vật liệu)
4. Khoa học trái đất (khí tượng, thủy văn, địa chất, môi trường, biến đổi khí hậu)
5. Toán học (lý thuyết, ứng dụng toán học và mô hình hóa)
6. Thống kê (phương pháp, mô hình thống kê và phân tích dữ liệu)
7. Máy tính (khoa học máy tính, thuật toán, hệ thống phần mềm)
8. Công nghệ thông tin (ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin, an toàn thông tin)
9. Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật (thiết kế, chế tạo cơ khí, robot, tự động hóa)
10. Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông (mạch điện, điện tử, viễn thông, Internet vạn vật)
11. Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường (quy trình hóa học, vật liệu mới, luyện kim, xử lý môi trường)
12. Vật lý kỹ thuật (ứng dụng vật lý trong thiết kế, đo lường kỹ thuật)
13. Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa (khảo sát địa chất, đo đạc, bản đồ)
14. Kỹ thuật mỏ (khai thác, chế biến khoáng sản, an toàn mỏ)
15. Kỹ thuật xây dựng (kết cấu, vật liệu, công trình xây dựng)
16. Khoa học xã hội và hành vi (tâm lý học, xã hội học, giáo dục học, kinh tế học)

Ghi chú: Nguyên tắc phân loại lĩnh vực đối với dự án dự thi có nội dung liên ngành thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

Phụ lục 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN DỰ THI

(Kèm theo Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 84 /2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 09 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tiêu chí	Điểm	Dự án khoa học	Dự án kỹ thuật
I. Câu hỏi/vấn đề nghiên cứu (10 điểm)			
1. Mục tiêu, đóng góp của nghiên cứu	5	Mục tiêu nghiên cứu cụ thể, rõ ràng; xác định được đóng góp của dự án vào lĩnh vực nghiên cứu.	Mô tả rõ nhu cầu thực tế, vấn đề cần giải quyết; xác định rõ tiêu chí của giải pháp cần đạt được.
2. Tính khả kiểm chứng/Xác định ràng buộc kỹ thuật	5	Câu hỏi nghiên cứu có thể kiểm chứng, đánh giá bằng phương pháp khoa học.	Giải thích rõ các ràng buộc, giới hạn của vấn đề kỹ thuật cần giải quyết.
II. Thiết kế và phương pháp nghiên cứu (15 điểm)			
1. Thiết kế nghiên cứu	5	Kế hoạch nghiên cứu được thiết kế khoa học, logic, phù hợp với mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu đã xác định.	Khám phá, so sánh các phương án khả thi để giải quyết vấn đề kỹ thuật trước khi lựa chọn giải pháp.
2. Phương pháp nghiên cứu	5	Phương pháp thu thập dữ liệu phù hợp, khả thi, có độ tin cậy, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.	Xác định rõ giải pháp được lựa chọn và phương pháp triển khai để xây dựng nguyên mẫu/mô hình.
3. Biến số, đối chứng/Nguyên mẫu, mô hình	5	Biến số, đối chứng được xác định rõ ràng, phù hợp và đầy đủ.	Nguyên mẫu/mô hình được xây dựng phù hợp với giải pháp đã lựa chọn, có tính khả thi để kiểm tra, thử nghiệm.
III. Thực hiện: thu thập, phân tích dữ liệu, giải thích kết quả (đối với dự án khoa học)/ Chế tạo và kiểm tra (đối với dự án kỹ thuật) (20 điểm)			
1. Quá trình thu thập/chế tạo	5	Thu thập, xử lý dữ liệu có hệ thống, khách quan.	Nguyên mẫu/mô hình thể hiện đúng thiết kế dự kiến.
2. Khả năng kiểm chứng	5	Kết quả nghiên cứu có khả năng lặp lại, kiểm chứng.	Nguyên mẫu/mô hình được kiểm tra trong nhiều điều kiện, thử nghiệm khác nhau.
3. Phương pháp phân tích/mức độ hoàn thiện kỹ thuật	5	Áp dụng phù hợp phương pháp toán học, thống kê trong phân tích dữ liệu.	Thể hiện kỹ năng kỹ thuật và mức độ hoàn thiện của nguyên mẫu/mô hình.

4. Đầy đủ dữ liệu, minh chứng quá trình	5	Đủ dữ liệu hỗ trợ diễn giải, kết luận; nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc theo Điều 14 Quy chế này là căn cứ đối chiếu mức độ trung thực, liên tục của quá trình thực hiện.	Đủ dữ liệu thử nghiệm hỗ trợ kết luận về giải pháp; nhật ký nghiên cứu, dữ liệu gốc theo Điều 14 Quy chế này là căn cứ đối chiếu mức độ trung thực, liên tục của quá trình thực hiện.
---	---	--	---

IV. Tính sáng tạo và tác động tiềm năng (20 điểm)

1. Tính mới của ý tưởng	5	Dự án thể hiện tính mới trong cách đặt vấn đề, cách tiếp cận so với các nghiên cứu, giải pháp đã có.	Dự án thể hiện tính mới trong cách đặt vấn đề, cách tiếp cận so với các nghiên cứu, giải pháp đã có.
2. Tính sáng tạo trong thực hiện	5	Dự án thể hiện tính sáng tạo trong thiết kế, phương pháp hoặc quá trình thực hiện nghiên cứu.	Dự án thể hiện tính sáng tạo trong thiết kế, phương pháp hoặc quá trình thực hiện, chế tạo.
3. Tác động trong lĩnh vực nghiên cứu	5	Dự án có tác động hoặc tiềm năng tác động đối với lĩnh vực nghiên cứu.	Dự án có tác động hoặc tiềm năng tác động đối với lĩnh vực kỹ thuật liên quan.
4. Tác động kinh tế - xã hội	5	Dự án có tác động hoặc tiềm năng tác động đối với công nghệ, kinh tế, môi trường, xã hội.	Dự án có tác động hoặc tiềm năng tác động đối với công nghệ, kinh tế, môi trường, xã hội.

V. Trình bày (35 điểm)

1. Bố cục, hình thức poster	5	Bố trí nội dung logic; hình ảnh, đồ thị, chú thích rõ ràng.	Bố trí nội dung logic; hình ảnh, đồ thị, chú thích rõ ràng.
2. Minh chứng trên poster	5	Tài liệu, minh chứng quá trình nghiên cứu được trình bày đầy đủ trên poster.	Tài liệu, minh chứng quá trình chế tạo, thử nghiệm được trình bày đầy đủ trên poster.
3. Kỹ năng trả lời phỏng vấn	5	Trả lời rõ ràng, ngắn gọn, sâu sắc các câu hỏi của giám khảo.	Trả lời rõ ràng, ngắn gọn, sâu sắc các câu hỏi của giám khảo.
4. Hiểu biết cơ sở khoa học/kỹ thuật	5	Hiểu biết vững về cơ sở khoa học liên quan đến dự án.	Hiểu biết vững về cơ sở kỹ thuật liên quan đến dự án.
5. Diễn giải kết quả, giới hạn	5	Hiểu rõ cách diễn giải, ý nghĩa và giới hạn của kết quả, kết luận nghiên cứu.	Hiểu rõ ý nghĩa và giới hạn của giải pháp, kết quả thử nghiệm.

6. Mức độ độc lập, tác động của dự án	5	Thể hiện mức độ độc lập, thực chất trong quá trình thực hiện dự án (đối chiếu nhật ký nghiên cứu); nhận thức về tác động tiềm năng của dự án.	Thể hiện mức độ độc lập, thực chất trong quá trình thực hiện dự án (đối chiếu nhật ký nghiên cứu); nhận thức về tác động tiềm năng của dự án.
7. Ý tưởng tiếp theo và đóng góp của thành viên	5	Chất lượng ý tưởng nghiên cứu tiếp theo; đối với dự án cá nhân, thể hiện hiểu biết đầy đủ của tác giả về toàn bộ dự án; đối với dự án tập thể, thể hiện đóng góp và hiểu biết đầy đủ của từng thành viên.	Chất lượng ý tưởng phát triển, hoàn thiện giải pháp tiếp theo; đối với dự án cá nhân, thể hiện hiểu biết đầy đủ của tác giả về toàn bộ dự án; đối với dự án tập thể, thể hiện đóng góp và hiểu biết đầy đủ của từng thành viên.

Ghi chú: Mỗi tiêu chí chi tiết quy định tại Phụ lục này có thang điểm tối đa 05 (năm) điểm; giám khảo cho điểm nguyên trong khoảng từ 0 đến 5 đối với từng tiêu chí, tổng điểm của dự án dự thi (thang điểm 100) được tính theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Quy chế này.